

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
QUẢN LÝ TÀI SẢN T-CORP**
*T-CORP ASSET MANAGEMENT
CORPORATION JOINT STOCK
COMPANY*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Hanoi, April 29, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE THE FINANCIAL STATEMENT

Kính gửi/To: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản T-CORP thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính quý I/2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau/ *According to clause 3 Article 14 the Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16th, 2020 of the Ministry of Finance providing guidelines the information disclosure on the securities market, T-Corp Asset Management Corporation Joint Stock Company discloses the financial statement for the first quarter of 2026 to Hanoi Stock Exchange:*

1. Tên tổ chức/Organization name:

- Mã chứng khoán/Stock symbol: TVC
- Địa chỉ/Address: Số 142 Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội/ *No. 142 Doi Can, Ngoc Ha Ward, Hanoi City.*
- Điện thoại liên hệ/Telephone: 024.3772 4999 Fax: 024.6273 2058
- Email: Contact@tcorp.vn Website: <http://tcorp.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố/Content of information disclosure:

- BCTC Quý I năm 2026/*The audited financial statement for the first quarter of 2026:*
 - ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc)/*The separate financial statement (The registered company have no the subsidiary and the superior accounting unit that has affiliated units);*

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con)/*The consolidated financial statement (The registered company have subsidiaries);*

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)/*The general financial statement (The registered company have affiliated units having separate accounting parts).*

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân/*Cases require an explanation of the reasons:*

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán)/*The auditing organization gives an opinion that is not unqualified opinion with the financial statement (the audited financial statement):*

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/Explanatory document in case of ticking "Yes":

☐ Có/Yes

☒ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC Quý 1 năm 2025)/*In the reporting period, profit after tax is difference of more 5% between before and after auditing, shifting from a loss to a profit or vice versa (The financial statement for the first quarter of 2025):*

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/Explanatory document in case of ticking "Yes":

☐ Có/Yes

☒ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước/*In the reporting period of the business result report, the profit after corporate tax is difference of more 10% from the last year report:*

☒ Có/Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/Explanatory document in case of ticking "Yes":

☒ Có/Yes

☐ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/*In the reporting period, profit after tax is loss, shifts from profit of the pervious year report to loss on this period or vice versa:*

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/Explanatory document in case of ticking "Yes":

☐ Có/Yes

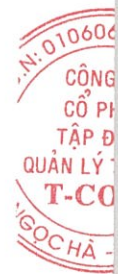
☒ Không/No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/04/2026 tại đường dẫn/ *This information is disclosed on the company website on April 29, 2026 at: <http://tcorp.vn/danh-muc-ghcd/bao-cao-tai-chinh/>*

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong quý I năm 2026/ *Report on transactions having from more than 35% value of total assets in the first quarter of 2026.*

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau/*In case the registered company having transaction is required to report full contents:*

- Nội dung giao dịch/*Content of transactions*: **Không có/None**
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất)/*Transaction value ratio/total asset value of the enterprise (%) (Based on the last the yearly financial statement)*: **Không có/None**
- Ngày hoàn thành giao dịch/*Date completing transactions*: **Không có/None**





Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố/ *We hereby declare to be responsible for the accuracy and completeness of the above information.*

Tài liệu đính kèm/Attached files:

- BCTC riêng lẻ quý I năm 2026/ *The Separate financial statement for the first quarter of 2026;*
- Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính riêng lẻ so với cùng kỳ năm ngoái/*Explain the change of profit after tax on the separate financial statement compared to the same period of the previous year.*

Đại diện tổ chức/Organization Representative
Người được ủy quyền CBTT/Authorized person to disclose information



Nguyễn Thị Hằng/ Nguyen Thi Hang



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản T-Corp/ T-Corp Asset Management
Corporation Joint Stock Company**

Địa chỉ/Address: Số 142 Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội/ No. 142 Doi Can, Ngoc Ha Ward, Hanoi City.

Số: **33**../2026/CV-T-CORP

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2026

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN của
BCTC riêng Quý I năm 2026 so với cùng kỳ năm trước

Hanoi, April 29, 2026

Re: Explanation of the fluctuation in profit after corporate
income tax in the separate financial statements for the first
quarter of 2026 compared to the same period last year

Kính gửi/To:- Ủy ban chứng khoán Nhà nước/The State Securities Commission
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội/Ha Noi Stock Exchange

Tên Công ty/Company Name: Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản T-Corp/ T-Corp
Asset Management Corporation Joint Stock Company

Trụ sở chính/Address: Số 142 Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội/ No. 142 Doi Can,
Ngoc Ha Ward, Hanoi City.

Điện thoại/ Telephone: 024.3722.4999 Fax: 024.6273.2058

Thực hiện thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc
hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý
Tài sản T-Corp xin lợi nhuận sau thuế TNDN của BCTC riêng Quý I Năm 2026 bị lỗ cụ thể như
sau:

In compliance with Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, issued by
the Ministry of Finance on guidelines for information disclosure in the securities market, T-Corp
Asset Management Corporation Joint Stock Company hereby provides an explanation of the loss
in profit after corporate income tax in the separate financial statements for the fourth quarter of
2025, as follows:



Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản T-Corp/ T-Corp Asset Management Corporation Joint Stock Company

Địa chỉ/Address: Số 142 Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội/ No. 142 Doi Can, Ngoc Ha Ward, Hanoi City.

Đơn vị tính/Unit: VND

Chỉ tiêu/ Items	Quý I Năm 2026/ Quarter I of 2026	Quý I Năm 2025/ Quarter I of 2025	Chênh lệch/ Difference	Biến động/ Movement %
1	2	3	4 = (2-3)	5 =(4/3)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Revenue from Sales of Goods and Provision of Services				
Giá vốn hàng bán/ Cost of Goods Sold				
Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác/ Financial Operating Revenue and Other Income	40.230.343.408	5.778.008.293	34.452.335.115	596,3%
Chi phí tài chính, Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp và Chi phí khác/ Financial Expenses, Selling Expenses, Administrative Expenses, and Other Expenses	26.862.868.816	29.417.383.877	-2.554.515.061	-8,7%
Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax	10.800.690.732	-29.812.046.194	40.612.736.926	136,2%

Quý I Năm 2026 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là 10,8 tỷ đồng. Công ty giải trình nguyên nhân Lợi nhuận sau thuế lãi như sau:

In the first quarter of 2026, profit after corporate income tax amounted to VND 10.8 billion. The Company provides the following explanation for the profit after tax:

Lợi nhuận sau thuế Quý 1/2026 đạt 10.800.690.732 đồng, tăng 40.612.736.926 đồng so với Quý 1/2025, tương ứng mức tăng 136,2%. Nguyên nhân chủ yếu là do hiệu quả đầu tư chứng khoán cải thiện, thị trường chứng khoán diễn biến thuận lợi, doanh thu hoạt động tài chính trong Quý 1/2026 đạt 40.230.343.408 đồng, tăng 34.452.335.115 đồng, tương ứng tăng 596,3% so với Quý 1/2025. Trong khi đó, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và

060657
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
QUẢN LÝ TÀI
SẢN
T-CORP
HÀ - TP

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản T-Corp/ T-Corp Asset Management
Corporation Joint Stock Company**

Địa chỉ/Address: Số 142 Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội/ No. 142 Doi Can, Ngoc Ha Ward, Hanoi City.

chi phí khác được kiểm soát tốt hơn, ghi nhận 26.862.868.816 đồng, giảm 2.554.515.061 đồng, tương ứng giảm 8,7% so với cùng kỳ năm trước.

Profit after tax in Q1 2026 reached VND 10,800,690,732, an increase of VND 40,612,736,926 compared to Q1 2025, equivalent to a rise of 136.2%. The primary reason for this increase was the improved efficiency of securities investments and favorable stock market conditions. Financial operating revenue in Q1 2026 reached VND 40,230,343,408, increasing by VND 34,452,335,115, or 596.3%, compared to Q1 2025. Meanwhile, financial expenses, selling expenses, general and administrative expenses, and other expenses were better controlled, totaling VND 26,862,868,816, a decrease of VND 2,554,515,061, or 8.7%, compared to the same period last year.

Trên đây là giải trình lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính của công ty mẹ Quý I Năm 2026 của Công ty chúng tôi.

The above is the Company's explanation of the profit after tax as presented in the separate financial statements of the parent company for the first quarter of 2026.

Trân trọng/Best regards!

Nơi nhận/Receipts:

- Như trên/ As above;
- Lưu VPHĐQT/ Archived the board office.



**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN
QUẢN LÝ TÀI SẢN T-CORP**
*T-Corp Asset Management
Corporation Joint Stock Company*

CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Thị Hằng



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN T-CORP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ I NĂM 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	2-3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	5-6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7-27



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31/03/2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.148.685.254.281	1.342.128.329.591
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	40.993.775.554	22.713.749.295
Tiền	111		40.993.775.554	22.713.749.295
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	12	847.754.544.000	1.022.860.710.216
Chứng khoán kinh doanh	121		615.781.107.584	881.378.913.317
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(28.076.563.584)	(46.768.203.101)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	9	260.050.000.000	188.250.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		257.635.462.390	294.178.859.924
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	2.242.500.000	22.655.500.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	420.217.567	266.020.378
Phải thu ngắn hạn khác	135	11	294.718.544.823	311.003.139.546
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(39.745.800.000)	(39.745.800.000)
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		2.301.472.337	2.375.010.156
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	6	297.404.876	295.277.130
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	16	2.004.067.461	2.079.733.026
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		748.492.029.864	739.719.610.533
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		196.685.500	269.345.500
Phải thu dài hạn khác	215	11	196.685.500	269.345.500
II. Tài sản cố định	220		632.108.394	793.411.890
Tài sản cố định hữu hình	221	7	632.108.394	793.411.890
- Nguyên giá	222		4.516.497.909	4.516.497.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.884.389.515)	(3.723.086.019)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		50.000.000	50.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		50.000.000	50.000.000
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	13	747.558.770.366	738.547.996.415
Đầu tư vào công ty con	261		747.558.770.366	738.547.996.415
VII. Tài sản dài hạn khác	270		54.465.604	58.856.728
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	6	54.465.604	58.856.728
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		1.897.177.284.145	2.081.847.940.124

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		502.458.471.630	697.929.818.341
I. Nợ ngắn hạn	310		502.458.471.630	697.929.818.341
Phải trả người lao động	315		1.150.605.127	903.891.945
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	14	39.577.485.520	43.899.621.004
Phải trả ngắn hạn khác	320	15	115.762.480.296	115.754.785.296
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	17	322.501.227.319	513.904.846.728
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		23.466.673.368	23.466.673.368
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	18	1.394.718.812.515	1.383.918.121.783
Vốn góp của chủ sở hữu	411		961.555.700.000	961.555.700.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		961.555.700.000	961.555.700.000
Thặng dư vốn	412		24.130.116.784	24.130.116.784
Quỹ đầu tư phát triển	418		23.716.973.549	23.716.973.549
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		23.522.719.055	23.522.719.055
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		361.793.303.127	350.992.612.395
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		350.992.612.395	343.587.128.725
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		10.800.690.732	7.405.483.670
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.897.177.284.145	2.081.847.940.124

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Anh Đức

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Quân

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Thị Hằng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Quý I năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2026 (VND)	Quý I năm 2025 (VND)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	-
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	19	40.230.343.408	5.778.008.293
8. Chi phí tài chính	23	20	25.792.858.816	29.113.183.177
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		8.832.848.956	6.438.132.378
9. Chi phí bán hàng	25	22	73.058.182	46.760.839
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	2.493.725.678	6.125.909.771
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.870.700.732	(29.507.845.494)
12. Thu nhập khác	31		-	-
13. Chi phí khác	32	24	1.070.010.000	304.200.700
14. Lợi nhuận khác	40		(1.070.010.000)	(304.200.700)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.800.690.732	(29.812.046.194)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.800.690.732	(29.812.046.194)

Người lập biểu

Nguyễn Anh Đức

Kế toán trưởng

Hoàng Văn Quân

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Thị Hằng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý I năm 2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2026 (VND)	Quý I năm 2025 (VND)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		10.800.690.732	(29.812.046.194)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		157.595.769	161.303.496
Các khoản dự phòng	03		(18.691.639.517)	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(5.193.365.396)	(3.739.900.818)
Chi phí đi vay	06		8.832.848.956	6.438.132.378
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn l</i>	08		(4.093.869.456)	(26.952.511.138)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		35.935.773.099	30.954.876.113
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(20.436.820.185)	(6.901.845.640)
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		2.263.378	(60.284.181)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		265.597.805.733	(319.274.830.763)
Chi phí đi vay đã trả	14		7.536.243.927	(6.438.132.378)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		3.707.727	(2.027.008.659)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		284.545.104.223	(330.699.736.646)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(106.700.000.000)	
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		34.900.000.000	
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(9.010.773.951)	(8.349.010.572)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.949.315.396	8.165.473
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(74.861.458.555)	(8.340.845.099)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG(TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2026 (VND)	Quý I năm 2025 (VND)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	
Tiền thu từ đi vay	33		1.113.990.774.659	633.357.520.628
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.305.394.394.068)	(278.785.138.663)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(191.403.619.409)	354.572.381.965
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	50		18.280.026.259	15.531.800.220
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	60		22.713.749.295	17.050.016.047
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		40.993.775.554	32.581.816.267

Người lập biểu



Nguyễn Anh Đức

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Quân

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2026



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Thị Hằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản T-Corp (gọi tắt "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106065776 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/12/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 22/11/2025.

Tên giao dịch quốc tế của Công ty là T-Cap Asset Management Corporation Joint stock Company. Tên viết tắt của Công ty là Tập đoàn T-Corp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 27 ngày 22/11/2025 là 961.555.700.000 đồng tương ứng với 96.155.570 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội với mã cổ phiếu là TVC.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/03/2026 là: 16 người (tại ngày 01/01/2026 là 16 người).

Trụ sở chính của Công ty tại số 142 Đội cấn, Phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội, Việt Nam

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư tài chính.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Các hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa phân vào đầu, tư vấn đầu tư;
- Đại lý môi giới đầu giá;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Dịch vụ thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng các dự án nhà ở, văn phòng, khách sạn, trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu giải trí cao cấp, sân golf, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng theo năm tài chính dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có khoản đầu tư vào Công ty con sau:

STT	Tên	Địa chỉ	Đăng ký kinh doanh
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán T-Cap	Số 142 phố Đội Cấn, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội	Hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán, ước tính kế toán, tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, đảm bảo khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính.

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026 là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán và báo cáo kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ quý I/2025 hoàn toàn có thể so sánh được

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho kỳ báo cáo quý I kết thúc ngày 31/03/2026.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Báo cáo tài chính riêng được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026 được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 99/2025/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27/10/2025. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026 là kỳ kế toán đầu tiên Công ty áp dụng Thông tư 99.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này.

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.2 CÁC ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Quản lý phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Chứng khoán kinh doanh

Phản ánh giá trị các khoản chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu) và các công cụ tài chính khác (chứng chỉ quỹ, quyền mua cổ phần, chứng quyền, quyền chọn mua, quyền chọn bán, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi, thương phiếu, hối phiếu...) nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh, bao gồm giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Cổ tức được chia cho giai đoạn sau ngày chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, riêng cổ tức nhận được bằng cổ phiếu do công ty cổ phần sử dụng thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để phát hành thêm cổ phiếu (chia cổ tức bằng cổ phiếu), Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và giá trị khoản đầu tư vào công ty cổ phần

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc (giá trị ghi sổ) và giá trị thị trường của các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh (tính theo từng loại chứng khoán), giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đầu tư vào công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền kiểm soát, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư (công ty con) nhằm thu

được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó hoặc Công ty nắm giữ ít hơn 50% quyền biểu quyết nhưng có thỏa thuận khác:

- Các nhà đầu tư khác thỏa thuận dành cho Công ty hơn 50% quyền biểu quyết;
- Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận;
- Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương;
- Công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản vốn góp cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng... Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận, riêng đối với cổ tức nhận được bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và phần sở hữu của Công ty trong vốn chủ sở hữu thực có tại bên nhận đầu tư (công ty con), phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu của khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc

Các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh bao gồm tiền sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trong đó:

- Tiền sửa chữa văn phòng được Công ty phân bổ trong thời gian không quá 03 năm;
- Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng được Công ty được phân bổ trong thời gian không quá 03 năm (dài hạn) và không quá 1 năm (ngắn hạn);

Công ty căn cứ vào thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	07

4.8 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chỉ trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 GHI NHẬN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản đi vay và vay vốn theo phương thức phát hành trái phiếu thường ngang giá (phát hành trái phiếu với giá đúng bằng mệnh giá của trái phiếu).

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

Trong năm 2026, toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

4.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu và được cơ quan quản lý chấp thuận

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

4.12 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, được UBCK chấp thuận và danh sách cổ đông nhận cổ tức được chốt chính thức

4.13 DOANH THU VÀ THU NHẬP KHÁC

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi bán chứng khoán kinh doanh, lãi từ các hợp đồng hợp tác đầu tư và đặt cọc mua cổ phiếu OTC, tiền cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi trái phiếu, lãi chuyển nhượng cổ phần và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác, cụ thể như sau:

- Lãi tiền gửi ngân hàng được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế được quy định trong từng Hợp đồng tiền gửi;
- Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận từng ngày và theo từng sàn giao dịch chứng khoán là số chênh lệch giữa tổng giá trị chứng khoán bán ra trong ngày cao hơn giá vốn tương ứng; trong đó giá vốn là giá trị ghi sổ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, giá bán là giá khớp lệnh trong giao dịch đặt lệnh bán chứng khoán.
- Lãi từ các hợp đồng hợp tác đầu tư, hợp đồng đặt cọc mua cổ phiếu OTC được xác định trên cơ sở lãi suất cố định trong từng hợp đồng và thời gian hợp tác đầu tư/ đặt cọc. Các khoản lãi này có thể thay đổi khi hai bên có thỏa thuận khác.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo chốt quyền của bên chia cổ tức, lợi nhuận.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.14 GHI NHẬN GIÁ VỐN

Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

4.15 THUẾ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
- Tiền mặt	78.200.000	-
- Tiền gửi không kỳ hạn	40.915.575.554	22.713.749.295
Cộng	40.993.775.554	22.713.749.295

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Khoản mục	31/03/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
a) Ngắn hạn	297.404.876	295.277.130
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	24.806.841	48.300.008
- Chi trả khác	272.598.035	246.977.122
b) Dài hạn	54.465.604	58.856.728
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	19.295.917	23.003.644
- Chi trả khác	35.169.687	35.853.084
Cộng	351.870.480	354.133.858

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá			
01/01/2026	4.440.152.455	76.345.454	4.516.497.909
31/03/2026	4.440.152.455	76.345.454	4.516.497.909
Giá trị hao mòn lũy kế			
01/01/2026	(3.672.592.095)	(50.493.924)	(3.723.086.019)
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>(156.405.444)</i>	<i>(4.898.052)</i>	<i>(161.303.496)</i>
31/03/2026	(3.828.997.539)	(55.391.976)	(3.884.389.515)
Giá trị còn lại			
01/01/2026	767.560.360	25.851.530	793.411.890
31/03/2026	611.154.916	20.953.478	632.108.394

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	31/03/2026		01/01/2026	
	(VND)		(VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	2.242.500.000	-	22.655.500.000	-
- Phải thu tiền bán chứng khoán chờ về	2.242.500.000	-	22.655.500.000	-
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Cộng	2.242.500.000	-	22.655.500.000	-

9. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Chỉ tiêu	31/03/2026			01/01/2026		
	(VND)			(VND)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	260.050.000.000	260.050.000.000	-	188.250.000.000	188.250.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-	-	-
Trái phiếu	-	-	-	-	-	-
Cho vay	260.050.000.000	260.050.000.000	-	188.250.000.000	188.250.000.000	-
Dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	260.050.000.000	260.050.000.000	-	188.250.000.000	188.250.000.000	-

10. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Chỉ tiêu	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
a) Ngắn hạn	420.217.567	-	266.020.378	-
Cộng	420.217.567	-	266.020.378	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. PHẢI THU KHÁC

Chỉ tiêu

	31/03/2026		01/01/2026	
	(VND)		(VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>	294.718.544.823	(39.745.800.000)	311.003.139.546	(39.745.800.000)
- Tạm ứng	74.670.704.525		45.164.950.536	
- Phải thu của các Hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	206.589.000.000		256.859.000.000	
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Rồng Việt	43.920.000.000		63.920.000.000	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Gió Mới	102.099.000.000	(39.745.800.000)	120.369.000.000	(39.745.800.000)
+ Công ty Cổ phần Tcapital	34.170.000.000		46.170.000.000	
+ Khác	26.400.000.000		26.400.000.000	
- Lãi dự thu từ Hợp đồng hợp tác đầu tư	-		412.641.066	
- Lãi dự thu từ Hợp đồng cho vay	5.776.240.298		883.947.944	
- Ký cược, ký quỹ	250.000		250.000	
- Phải thu khác	7.682.350.000		7.682.350.000	
<i>Dài hạn</i>	196.685.500	-	269.345.500	-
- Ký cược, ký quỹ	196.685.500		269.345.500	
Cộng	294.915.230.323	(39.745.800.000)	311.272.485.046	(39.745.800.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Chỉ tiêu	31/03/2026 (VND)				01/01/2026 (VND)			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị dự phòng		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị dự phòng	
Tổng giá trị cổ phiếu	615.781.107.584	587.704.544.000	(28.076.563.584)		881.378.913.317	844.255.159.000	(46.768.203.101)	
HPG					175.875.975.339	173.722.560.000	(2.153.415.339)	
SHB					98.114.719.847	91.723.500.000	(6.391.219.847)	
MBB					80.077.403.738	74.888.000.000	(5.189.403.738)	
VCI					73.800.710.551	59.018.070.000	(14.782.640.551)	
CTG	292.124.856.358	280.573.649.000	(11.551.207.358)		311.716.844.716	320.969.220.000		
MSN	142.782.729.745	142.491.150.000	(291.579.745)					
Khác	180.873.521.481	164.639.745.000	(16.233.776.481)		141.793.259.126	123.933.809.000	(18.251.523.626)	
Cộng	615.781.107.584	587.704.544.000	(28.076.563.584)		881.378.913.317	844.255.159.000	(46.768.203.101)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Chỉ tiêu	31/03/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào công ty con	747.558.770.366	747.558.770.366	-	738.547.996.415	738.547.996.415	-
Công ty Cổ phần	747.558.770.366	747.558.770.366		738.547.996.415	738.547.996.415	
Chứng khoán T-cap						
Cộng	747.558.770.366	747.558.770.366	-	738.547.996.415	738.547.996.415	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Khoản mục	31/03/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>39.577.485.520</i>	<i>43.899.621.004</i>
- Chi phí lãi vay	1.140.315.765	5.462.451.249
- Chi phí phải trả hoạt động tài chính	38.437.169.755	38.437.169.755
<i>b) Dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	<u>39.577.485.520</u>	<u>43.899.621.004</u>

15. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

Khoản mục	31/03/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>115.762.480.296</i>	<i>115.754.785.296</i>
Nhận đặt cọc mua bất động sản	115.000.000.000	115.000.000.000
Kinh phí công đoàn	146.588.406	141.453.406
Bảo hiểm xã hội	4.167.000	9.056.000
Bảo hiểm y tế	6.855.000	1.698.000
Bảo hiểm thất nghiệp	3.424.000	1.132.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	601.445.890	601.445.890
<i>b) Dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. THUẾ

Khoản mục	01/01/2026 (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã thực nộp trong năm (VND)	31/03/2026 (VND)
a) Phải nộp	-	38.196.811	38.196.811	-
Thuế GTGT đầu ra				-
Thuế thu nhập doanh nghiệp		38.196.811	38.196.811	-
Thuế thu nhập cá nhân				-
b) Phải thu	2.079.733.026	-	75.665.565	2.004.067.461
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.981.977.551			1.981.977.551
Thuế thu nhập cá nhân	97.755.475		75.665.565	22.089.910

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Khoản mục	31/03/2026 (VND)	Trong năm (VND)		01/01/2026 (VND)
		Tăng	Giảm	
a) Vay ngắn hạn	322.501.227.319	1.113.990.774.659	1.305.394.394.068	513.904.846.728
Vay margin tại các công ty chứng khoán	322.501.227.319	1.113.990.774.659	1.305.394.394.068	513.904.846.728
Cộng	322.501.227.319	1.113.990.774.659	1.305.394.394.068	513.904.846.728

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

13.1 BIẾN ĐỘNG TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Đơn vị tính: VND
			Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối	
Số dư đầu năm trước	1.186.106.700.000	52.437.300.000	(56.115.046.965)	23.716.973.549	23.522.719.055	343.587.128.725	1.573.255.774.364
- Lãi trong năm trước						7.405.483.670	7.405.483.670
- Giảm khác	(224.551.000.000)	(28.307.183.216)	56.115.046.965				(196.743.136.251)
Số dư đầu năm nay	961.555.700.000	24.130.116.784	-	23.716.973.549	23.522.719.055	350.992.612.395	1.383.918.121.783
- Lãi trong năm nay						10.800.690.732	10.800.690.732
- Giảm khác							-
Số dư cuối kỳ	961.555.700.000	24.130.116.784	-	23.716.973.549	23.522.719.055	361.793.303.127	1.394.718.812.515

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV Tùng Trí	160.214.630.000	16,66%	160.214.630.000	16,66%
Ông Phạm Thanh Tùng	83.901.340.000	8,73%	83.901.340.000	8,73%
Các cổ đông khác	717.439.730.000	74,61%	717.439.730.000	74,61%
	961.555.700.000	100%	961.555.700.000	100%

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI, CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

Khoản mục	31/03/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
<i>Vốn góp đầu năm</i>	961.555.700.000	961.555.700.000
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
<i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
<i>Vốn góp cuối năm</i>	961.555.700.000	961.555.700.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

18.4 CỔ PHIẾU

Khoản mục	31/03/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	96.155.570	96.155.570
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	96.155.570	96.155.570
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	96.155.570	96.155.570
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ, cổ phiếu mua lại của chính mình)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	96.155.570	96.155.570
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	96.155.570	96.155.570
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Khoản mục	Quý I năm 2026 (VND)	Quý I năm 2025 (VND)
- Lãi tiền gửi	11.837.108	8.165.945
- Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ	835.950.000	-
- Lãi mua, bán chứng khoán kinh doanh	34.201.028.012	1.792.582.074
- Lãi cho vay	5.181.528.288	3.977.260.274
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	...	-
Cộng	40.230.343.408	5.778.008.293

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Khoản mục	Quý I năm 2026 (VND)	Quý I năm 2025 (VND)
- Chi phí đi vay	8.832.848.956	6.438.132.378
- Lỗ chứng khoán kinh doanh	34.054.142.478	12.929.616.378
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(18.691.639.517)	9.499.909.020
- Chi phí tài chính khác	1.597.506.899	245.525.401
Cộng	25.792.858.816	29.113.183.177

21. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

Khoản mục	Quý I năm 2026 (VND)	Quý I năm 2025 (VND)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41.938.754	44.370.043
- Chi phí nhân công	1.571.984.236	4.778.413.002
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	161.303.496	161.303.496
- Thuế, phí và lệ phí	38.196.811	98.250.255
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	734.675.915	1.080.428.919
- Chi phí khác bằng tiền	1.088.694.648	314.105.595
Cộng	3.636.793.860	6.476.871.310

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Khoản mục	Quý I năm 2026 (VND)	Quý I năm 2025 (VND)
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	2.493.725.678	6.125.909.771
Chi phí nhân viên quản lý	1.498.926.054	4.731.652.163
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	41.938.754	44.370.043
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	161.303.496	161.303.496
Thuế, phí và lệ phí	38.196.811	98.250.255
Chi phí dịch vụ mua ngoài	734.675.915	1.080.428.919
Chi phí bằng tiền khác	18.684.648	9.904.895
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	73.058.182	46.760.839
Chi phí nhân viên quản lý	73.058.182	46.760.839

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. THU NHẬP KHÁC

Khoản mục	Quý I năm 2026 (VND)	Quý I năm 2025 (VND)
- Các khoản khác	-	-
Cộng	-	-

24. CHI PHÍ KHÁC

Khoản mục	Quý I năm 2026 (VND)	Quý I năm 2025 (VND)
- Các khoản chi phí khác	1.070.010.000	304.200.700
Cộng	1.070.010.000	304.200.700

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Khoản mục	Quý I năm 2026 (VND)	Quý I năm 2025 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.150.690.732	(29.812.046.194)
- Các khoản chi phí không được trừ	1.071.310.000	304.200.700
- Thù lao của HĐQT không tham gia điều hành	-	33.333.330
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.658.873.793)	-
Lỗ năm trước chuyển sang	(7.563.126.939)	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	-	(29.474.512.164)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

26. CHUYỂN LỖ

Năm phát sinh	Chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến 31/03/2026	Lỗ chưa kết chuyển tại 31/03/2026
		VND	VND	VND
2022	2027	(532.979.978.607)	(532.979.978.607)	-
Tổng			(532.979.978.607)	-

27. BÊN LIÊN QUAN

27.1 Danh sách các bên liên quan

STT	Tên Công ty, Cá nhân	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán T-Cap	Công ty con
2	Công ty TNHH MTV Tùng Trí Việt	Cổ đông lớn
3	Ông Phạm Thanh Tùng	Cổ đông lớn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27.2 Giao dịch với bên liên quan

Số dư với bên liên quan

Công ty Cổ phần Chứng khoán T-Cap

Tiền gửi giao dịch chứng khoán

Tiền đặt cọc mua chung Bất động sản làm trụ sở
chính công ty

Giao dịch với các bên liên quan

- Công ty Cổ phần Chứng khoán T-cap

Trong đó có;

Phí lưu ký

Phí mua, bán chứng khoán, phí chuyển khoản

Lãi tiền gửi nhà đầu tư

- Tổng giá trị giao dịch mua bán chứng khoán trên
tài khoản mở tại Công ty con

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

		Quý I năm 2026	Quý I năm 2025
Bà Nguyễn Thị Hằng	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/03/2024)	268.333.333	507.081.482
Ông Ngô Long Giang	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/11/2024, miễn nhiệm ngày 16/01/2025)		145.652.174
Bà Phan Thị Thu Hà	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 14/06/2025)	72.222.222	
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 15/03/2023, miễn nhiệm ngày 14/06/2025)		16.666.665
Ông Chu Văn Tường	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 08/06/2024, miễn nhiệm ngày 14/06/2025)		16.666.665

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng tự lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến 31/03/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt.

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Nguyễn Anh Đức


Hoàng Văn Quân


Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2026
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Thị Hằng